

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất,, Phường.2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

MST: 

0	3	0	1	1	2	3	1	2	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY QUÝ 1 NĂM 2016**

- |  |                     |
|--|---------------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán bộ phận              | (Mẫu số B 01a - DN) |
| 2. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận        | (Mẫu số B 02a - DN) |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ bộ phận        | (Mẫu số B 03a - DN) |
| 4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính bộ phận | (Mẫu số B 09a - DN) |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất,, Phường.2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

MST: 

0	3	0	1	1	2	3	1	2	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Bảng cân đối kế toán bộ phận</b>	<b>1 - 4</b>
<b>2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận</b>	<b>5</b>
<b>3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ bộ phận</b>	<b>6 - 7</b>
<b>4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính bộ phận</b>	<b>8 - 30</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN BỘ PHẬN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

**Quý 1 năm 2016**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>960.150.262.213</b>	<b>1.056.519.519.703</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>425.521.093.544</b>	<b>487.974.041.845</b>
1. Tiền	111		190.521.093.544	250.974.041.845
2. Các khoản tương đương tiền	112		235.000.000.000	237.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>124.851.577.500</b>	<b>122.851.577.500</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	28.851.577.500	28.851.577.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	96.000.000.000	94.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>161.220.038.467</b>	<b>196.380.860.835</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	77.550.903.509	122.722.789.140
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.761.931.098	10.388.389.294
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		52.572.427.460	49.422.972.431
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	66.144.773.938	64.656.707.508
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.9	(50.809.997.538)	(50.809.997.538)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>222.607.152.170</b>	<b>243.549.316.048</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	222.607.152.170	243.549.316.048
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.950.400.532</b>	<b>5.763.723.475</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	24.438.033.401	2.316.029.043
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.293.070.856	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	219.296.275	3.447.694.432
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

✓

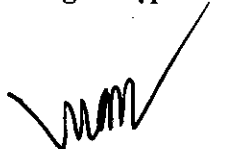
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>917.821.835.927</b>	<b>929.313.819.634</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>205.991.310.929</b>	<b>205.611.410.929</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	433.507.253.441	433.127.353.441
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.9	(227.515.942.512)	(227.515.942.512)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>213.299.928.279</b>	<b>222.725.670.830</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	177.548.050.527	186.993.653.892
- Nguyên giá	222		471.514.420.076	472.207.489.424
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(293.966.369.549)	(285.213.835.532)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	35.751.877.752	35.732.016.938
- Nguyên giá	228		42.804.298.799	42.544.298.799
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.052.421.047)	(6.812.281.861)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.13</b>	<b>32.243.749.055</b>	<b>32.243.749.055</b>
- Nguyên giá	231		37.252.913.794	37.252.913.794
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(5.009.164.739)	(5.009.164.739)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>35.112.435.598</b>	<b>34.608.578.562</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	35.112.435.598	34.608.578.562
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>400.415.928.769</b>	<b>400.415.928.769</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	290.077.281.987	290.077.281.987
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	125.238.936.500	125.238.936.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2d	(14.900.289.718)	(14.900.289.718)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.758.483.297</b>	<b>33.708.481.489</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	29.854.421.674	32.804.419.866
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	904.061.623	904.061.623
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.877.972.098.140</b>	<b>1.985.833.339.337</b>

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>508.550.293.635</b>	<b>660.730.687.754</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>508.450.293.635</b>	<b>660.630.687.754</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16a	284.030.733.549	300.494.466.399
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16b	62.839.377	34.275.717
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	16.661.455.001	51.037.949.188
4. Phải trả người lao động	314	V.19	35.406.899.828	57.194.627.006
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	1.449.793.216	42.123.860
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	4.964.612.817	3.563.725.787
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	22.507.622.003	61.860.948.501
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23	135.428.290.206	170.605.120.174
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	7.938.047.638	15.797.451.122
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	100.000.000	100.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.369.421.804.505</b>	<b>1.325.102.651.583</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.25</b>	<b>1.369.421.804.505</b>	<b>1.325.102.651.583</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.315.000.000.000	1.315.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.315.000.000.000	1.315.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.421.804.505	10.102.651.583
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.102.651.583	10.102.651.583
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		44.319.152.922	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.877.972.098.140</b>	<b>1.985.833.339.337</b>

TP. HCM, ngày 25 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

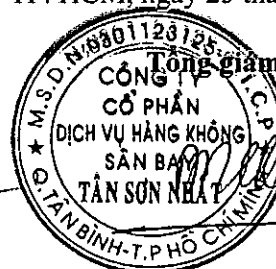


Hoàng Đôn Huân

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng Cường



Tổng giám đốc

Đoàn Thị Mai Hương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BỘ PHẬN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.26	513.255.564.974	464.446.971.327	513.255.564.974	464.446.971.327
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	V.27	208.945	1.449.949	208.945	1.449.949
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		513.255.356.029	464.445.521.378	513.255.356.029	464.445.521.378
4. Giá vốn hàng bán	11	V.28	297.992.634.129	298.150.278.642	297.992.634.129	298.150.278.642
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		215.262.721.900	166.295.242.736	215.262.721.900	166.295.242.736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.29	7.867.774.140	13.587.242.077	7.867.774.140	13.587.242.077
7. Chi phí tài chính	22	V.30	683.690.570	1.081.689.554	683.690.570	1.081.689.554
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		337.868.856	290.439.051	337.868.856	290.439.051
8. Chi phí bán hàng	25	V.31	124.703.601.636	97.207.786.194	124.703.601.636	97.207.786.194
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.32	43.697.666.711	38.634.382.775	43.697.666.711	38.634.382.775
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		54.045.537.123	42.958.626.290	54.045.537.123	42.958.626.290
11. Thu nhập khác	31		1.396.271.129	7.660.885.478	1.396.271.129	7.660.885.478
12. Chi phí khác	32		558.283.316	3.932.070	558.283.316	3.932.070
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		837.987.813	7.656.953.408	837.987.813	7.656.953.408
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.883.524.936	50.615.579.698	54.883.524.936	50.615.579.698
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	10.564.372.014	8.651.117.507	10.564.372.014	8.651.117.507
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		44.319.152.922	41.964.462.191	44.319.152.922	41.964.462.191
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

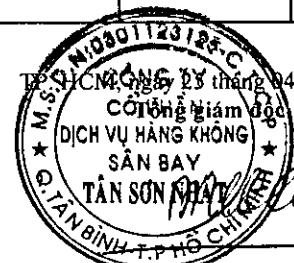
(\*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

Hoàng Đôn Huân

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng Cường



Đoàn Thị Mai Hương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ BỘ PHẬN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

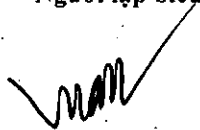
Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		54.883.524.936	
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	V.11,V.12	11.991.319.863	
- Các khoản dự phòng	03		-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V.29,V.30	(636.628.517)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.29,V.30	(3.375.886.034)	
- Chi phí lãi vay	06	V.30	337.868.856	
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.200.199.104	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		32.726.882.537	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	20.942.163.878	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(73.241.935.093)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(19.144.389.041)	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.30	(379.992.716)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(47.588.037.832)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.859.403.484)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(31.344.512.647)</b>	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.14	(59.677.537)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		850.998	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(2.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.29	6.528.182.774	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.469.356.235</b>	

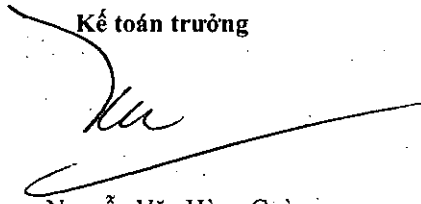
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	135.380.683.668	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(170.605.120.174)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(35.224.436.506)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(62.099.592.918)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>487.974.041.845</b>	
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(353.355.383)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>425.521.093.544</b>	

Người lập biểu

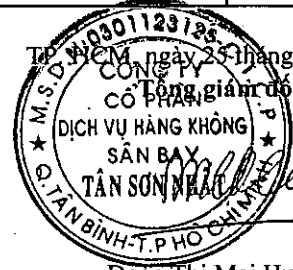


Hoàng Đôn Huân

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng Cường



Đoàn Thị Mai Hương

# **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc**

**Mẫu số B 09a - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY CHỌN LỌC Quý 1 năm 2016**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Đặc điểm**

Đây là Báo cáo tài chính bộ phận được lập riêng cho Văn phòng Công ty tại TP. HCM.

#### **2. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **3. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### **4. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất nước mắm; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ massage, xoa bóp bấm huyệt đôi bàn chân tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất.

#### **5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **6. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong quý có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty**

Bộ Giao thông vận tải chưa thực hiện quyết toán lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty tính đến thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2014).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **2. Kỳ kế toán: Quý 1 năm 2016**

Kỳ kế toán Quý 1 năm 2016 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016.

#### **3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư khác hướng dẫn việc thực hiện các chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức chứng từ ghi sổ.**

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

---

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc quý. Trường hợp tại ngày kết thúc quý thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc quý.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

---

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong quý và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

#### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

---

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

---

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc hàng hóa của cửa hàng miễn thuế và trung tâm thương mại được tính theo phương pháp thực tế đích danh, hàng tồn kho còn lại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong quý theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Lợi thế kinh doanh***

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần tư vấn - dịch vụ về tài sản - bất động sản DATC. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### ***Chi phí trả trước dài hạn khác***

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thuê mặt bằng quảng cáo, chi phí vận chuyển, bản quyền diệt virus, ... được phân bổ vào chi phí trong quý theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong quý.

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong quý.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 36
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 06

Theo Quyết định số 917/QĐ-ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, nguyên giá và giá trị hao mòn của tài sản cố định hữu hình đã được ghi nhận lại nên thời gian khấu hao của tài sản cố định cũng được xác định lại cho phù hợp (trong kỳ, mức trích khấu hao tài sản cố định hữu hình là mức trích khấu hao năm trước).

### **10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong quý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

---

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong quý.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 34 - 50 năm.

### ***Nhãn hiệu hàng hóa***

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 04 năm.

### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

## **12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## **14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

---

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc quý.

### **15. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **16. Lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là lợi nhuận thực hiện trong kỳ báo cáo quý 1/2016.

### **17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

---

### ***Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi***

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của quý này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của quý sau.

## **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

## **VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc quý và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc quý và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7.622.908.746	8.250.526.530
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	181.923.885.533	241.653.880.781

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền đang chuyển <sup>(i)</sup>	974.299.265	1.069.634.534
Các khoản tương đương tiền <sup>(ii)</sup>	235.000.000.000	237.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>425.521.093.544</b>	<b>487.974.041.845</b>

<sup>(i)</sup> Thẻ tín dụng thu của khách hàng.<sup>(ii)</sup> Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cổ phiếu</b>		
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á	28.644.000.000	28.644.000.000
Công ty cổ phần được Cần Giờ	207.577.500	207.577.500
<b>Cộng</b>	<b>28.851.577.500</b>	<b>28.851.577.500</b>

Các chứng khoán kinh doanh này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 06 tháng.

**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>290.077.281.987</b>	<b>290.077.281.987</b>
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất <sup>(i)</sup>	149.376.730.000	149.376.730.000
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco <sup>(ii)</sup>	10.800.262.269	10.800.262.269
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) <sup>(iii)</sup>	14.900.289.718	14.900.289.718
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh <sup>(iv)</sup>	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Nova Sasco <sup>(v)</sup>	111.800.000.000	111.800.000.000
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh <sup>(vi)</sup>	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>125.238.936.500</b>	<b>125.238.936.500</b>
Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	8.696.000.000	8.696.000.000
Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài	11.810.450.000	11.810.450.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	25.193.235.000	25.193.235.000
Công ty cổ phần địa ốc Thảo Điền	44.732.290.000	44.732.290.000
Công ty cổ phần thương mại Sabeco Trung tâm	70.000.000	70.000.000
Công ty cổ phần Thành Ngọc	11.542.176.000	11.542.176.000
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	4.930.000.000	4.930.000.000
Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất	15.464.785.500	15.464.785.500
Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc	2.800.000.000	2.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>415.316.218.487</b>	<b>415.316.218.487</b>

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 24/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 VND, tương đương 49,79% vốn điều lệ.

## VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5602000027 ngày 12/4/2001 và đăng ký thay đổi lần 03 ngày 12/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco 10.800.262.269 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08/6/2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Cty liên doanh cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) 29% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515483 ngày 03/7/2010, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Cty cổ phần phát triển vườn xanh.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313469262 ngày 02/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Nova Sasco 111.800.000.000 VND, tương đương 26% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313546236 ngày 23/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh 2.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

### *Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết*

Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất đang trong giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện dự án tiếp nạp nhiên liệu hàng không tại Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty TNHH Nova Sasco và Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh được thành lập vào thời điểm cuối năm 2015 và chưa phát sinh các hoạt động đáng kể.

Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### **2d. Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	-	14.900.289.718
Trích lập dự phòng bổ sung trong quý	-	-
<b>Số cuối quý</b>	<b>14.900.289.718</b>	<b>-</b>

### **3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>7.722.193.197</b>	<b>63.756.911.830</b>
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam	2.982.291.100	3.526.280.500
Công ty cổ phần vận tải hàng không Miền Nam	38.356.000	49.450.000
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	65.757.800	201.745.900
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	132.014.300	128.235.200
Công ty TNHH Nova Sasco - phải thu tiền đền bù dự án	0	55.380.000.000
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	10.283.000	7.760.000
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh	30.050.767	-
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt	4.463.440.230	4.463.440.230
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>69.828.710.312</b>	<b>58.965.877.310</b>
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC)	14.382.452.120	17.312.236.343

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	9.775.325.300	14.485.336.700
Các khách hàng khác	45.670.932.892	27.168.304.267
<b>Cộng</b>	<b>77.550.903.509</b>	<b>122.722.789.140</b>
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty cổ phần thương mại bia Sài Gòn Trung Tâm	3.309.702.000	3.594.228.000
Ban đền bù giải tỏa huyện Phú Quốc	1.448.232.958	1.448.232.958
Cobus Industries GmbH	5.779.509.142	0
Các nhà cung cấp khác	5.224.486.998	5.345.928.336
<b>Cộng</b>	<b>15.761.931.098</b>	<b>10.388.389.294</b>
<b>5. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>46.208.051.378</i>	<i>46.234.878.978</i>
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - Phải thu về cổ phần hóa	2.442.367.047	2.442.367.047
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt - chi hộ tiền thuê mặt bằng và các khoản khác	43.765.684.331	43.765.684.331
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	-	26.827.600
Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco - Lợi nhuận được chia	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19.936.722.560</i>	<i>18.421.828.530</i>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.185.564.000	1.185.564.000
Tạm ứng	1.805.211.069	482.243.191
Lãi dự thu của các ngân hàng	194.858.888	3.346.656.148
Ký quỹ	264.800.000	264.800.000
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC) - chi hộ tiền thuê đất	9.539.703.636	7.024.679.124
Công ty TNHH một thành viên xây dựng và kinh doanh nhà Phú Nhuận - thu hồi vốn và lãi bán nền nhà	2.430.156.375	2.430.156.375
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.516.428.592	3.687.729.692
<b>Cộng</b>	<b>66.144.773.938</b>	<b>64.656.707.508</b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>		
	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.063.053.602	807.212.706
Công cụ, dụng cụ	782.005.511	513.088.527
Hàng hóa	220.743.998.429	242.210.920.187
Hàng gửi đi bán	18.094.628	18.094.628
<b>Cộng</b>	<b>222.607.152.170</b>	<b>243.549.316.048</b>
<b>7. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí bảo hiểm	658.824.429	195.566.749
Công cụ, dụng cụ	578.166.893	91.876.550
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	23.201.042.079	2.028.585.744

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<b>Số cuối quý</b> <b>24.438.033.401</b>	<b>Số đầu năm</b> <b>2.316.029.043</b>
-------------	---	---

**8. Phải thu dài hạn khác**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>227.515.942.512</b>	<b>227.515.942.512</b>
Các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH)	227.515.942.512	227.515.942.512
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>205.991.310.929</b>	<b>205.611.410.929</b>
Ký quỹ	23.073.974.605	22.694.074.605
Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	13.000.000.000	13.000.000.000
Ứng tiền cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú Quốc để bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bàu tại ấp 04, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	122.408.685.500	122.408.685.500
Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án khách sạn Saso - Nha Trang	6.440.410.824	6.440.410.824
Công ty TNHH một thành viên Nhà Phú Nhuận - vốn góp hợp tác kinh doanh	10.948.000.000	10.948.000.000
Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) - vốn góp hợp tác đầu tư xây dựng	30.040.240.000	30.040.240.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	80.000.000	80.000.000
<b>Cộng</b>	<b>433.507.253.441</b>	<b>433.127.353.441</b>

**9. Dự phòng nợ phải thu**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số trích lập dự phòng	<b>278.325.940.050</b>	<b>278.325.940.050</b>
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	50.809.997.538	50.809.997.538
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	227.515.942.512	227.515.942.512

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Lợi thế thương mại	22.604.494.332	25.833.707.808
Công cụ, dụng cụ	4.613.464.577	4.980.001.317
Chi phí sửa chữa lớn	2.194.606.830	1.224.293.538
Các chi phí trả trước dài hạn khác	441.855.935	766.417.203
<b>Cộng</b>	<b>29.854.421.674</b>	<b>32.804.419.866</b>

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
Nguyên giá						
Số đầu năm	111.672.043.038	28.687.706.710	277.287.705.650	6.234.465.092	48.325.568.934	472.207.489.424
Tăng trong quý	1.004.287.648	294.250.000	-	-	-	1.298.537.648
Mua mới trong quý		294.250.000	-	-	-	294.250.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.004.287.648	-	-	-	-	1.004.287.648

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giảm trong quý	-	(30.000.000)	-	(100.093.496)	(1.861.513.500)	(1.991.606.996)
Thanh lý nhượng bán		(30.000.000)		(100.093.496)	(1.861.513.500)	(1.991.606.996)
Giảm khác						
<b>Số cuối quý</b>	<b>112.676.330.686</b>	<b>28.951.956.710</b>	<b>277.287.705.650</b>	<b>6.134.371.596</b>	<b>46.464.055.434</b>	<b>471.514.420.076</b>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.331.871.000	7.156.880.447	57.485.743.138	2.884.749.435	28.602.590.090	97.461.834.110
Chờ thanh lý			34.141.671.819			34.141.671.819
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	37.352.566.722	20.811.417.999	183.237.197.859	3.854.495.912	39.958.157.040	285.213.835.532
Tăng trong quý	1.793.971.605	813.140.473	8.078.084.143	166.887.812	978.578.774	11.830.662.807
Khấu hao trong quý	1.793.971.605	813.140.473	8.078.084.143	166.887.812	978.578.774	11.830.662.807
Tăng khác	-	-	-	-	-	0
Giảm trong quý	-	(28.649.522)	-	(100.093.496)	(2.949.385.772)	(3.078.128.790)
Thanh lý, nhượng bán	-	(28.649.522)	-	(100.093.496)	(1.861.513.500)	(1.990.256.518)
Giảm khác (đánh giá lại tài sản)	-	-	-	-	(1.087.872.272)	(1.087.872.272)
<b>Số cuối quý</b>	<b>39.146.538.327</b>	<b>21.595.908.950</b>	<b>191.315.282.002</b>	<b>3.921.290.228</b>	<b>37.987.350.042</b>	<b>293.966.369.549</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	74.319.476.316	7.876.288.711	94.050.507.791	2.379.969.180	8.367.411.894	186.993.653.892
<b>Số cuối quý</b>	<b>73.529.792.359</b>	<b>7.356.047.760</b>	<b>85.972.423.648</b>	<b>2.213.081.368</b>	<b>8.476.705.392</b>	<b>177.548.050.527</b>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	8.755.013.552	-	-	8.755.013.552

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	40.712.948.761	100.555.555	1.730.794.483	42.544.298.799
Tăng trong quý	-	-	260.000.000	260.000.000
Mua mới trong quý	-	-	260.000.000	260.000.000
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong quý	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số cuối quý 1/2016</b>	<b>40.712.948.761</b>	<b>100.555.555</b>	<b>1.730.794.483</b>	<b>42.804.298.799</b>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	100.555.555	1.693.649.483	1.794.205.038
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	4.986.169.926	100.555.555	1.725.556.380	6.812.281.861
Tăng trong quý	229.180.224	-	10.958.962	240.139.186
Khấu hao trong quý	229.180.224	-	10.958.962	240.139.186
Tăng khác	-	-	-	-

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhãn hiệu hàng hóa</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Giảm trong quý				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
<b>Số cuối quý 1/2016</b>	<b><u>5.215.350.150</u></b>	<b><u>100.555.555</u></b>	<b><u>1.736.515.342</u></b>	<b><u>7.052.421.047</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	<u>35.726.778.835</u>	<u>0</u>	<u>5.238.103</u>	<u>35.732.016.938</u>
<b>Số cuối quý 1/2016</b>	<b><u>35.497.598.611</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>-5.720.859</u></b>	<b><u>35.491.877.752</u></b>
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**13. Bất động sản đầu tư***Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá*

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn đã trích theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	<u>37.252.913.794</u>	<u>5.009.164.739</u>	<u>32.243.749.055</u>
<b>Số cuối quý</b>	<b><u>37.252.913.794</u></b>	<b><u>5.009.164.739</u></b>	<b><u>32.243.749.055</u></b>

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc lập báo cáo tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Chi tiết danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc quý như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Khu đất 10.316 m <sup>2</sup> tại Xuân Thới Sơn - Hóc Môn	5.132.260.000	801.122.625	4.331.137.375
Khu đất số 9,10,11 thuộc Khu đất 2.200 m <sup>2</sup> và 1.000m <sup>2</sup> tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	6.222.717.346	1.256.109.502	4.966.607.844
Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m <sup>2</sup> tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	3.472.623.126	660.530.562	2.812.092.564
Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m <sup>2</sup> tại đường Hùng Vương, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.216.358.700	683.547.876	7.532.810.824
Khu đất 9.973 m <sup>2</sup> tại ấp Rạch Chiềc, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	5.458.267.422	396.881.118	5.061.386.304
Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m <sup>2</sup> tại đường Nguyễn Chí Thành, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	8.750.687.200	1.210.973.056	7.539.714.144

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
<b>Cộng</b>	<b>37.252.913.794</b>	<b>5.009.164.739</b>	<b>32.243.749.055</b>

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong quý</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Chuyển sang công cụ, dụng cụ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trả trước trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Dự án trang trại Suối Nhung (Bình Phước)	23.878.121.666	270.000.000	-	-	-	24.148.121.666
Dự án khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bầu - Phú Quốc	2.460.621.313	-	-	-	-	2.460.621.313
Các dự án khác	8.269.835.583	3.441.341.219	(1.558.537.648)	(792.684.200)	(856.262.335)	8.503.692.619
<b>Cộng</b>	<b>34.608.578.562</b>	<b>3.767.286.224</b>	<b>(1.558.537.648)</b>	<b>(792.684.200)</b>	<b>(856.262.335)</b>	<b>35.112.435.598</b>

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá. Chi tiết phát sinh trong quý như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm		904.061.623
<b>Số cuối quý</b>	<b>904.061.623</b>	<b>-</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

**16. Phải trả người bán ngắn hạn****16a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>21.357.110.947</b>	<b>21.628.951.245</b>
Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - phải trả tiền cung cấp hàng hóa dịch vụ	16.913.722.034	17.309.735.568
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn - phải trả tiền cung cấp dịch vụ	90.937.045	56.137.939
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất - cung cấp dịch vụ	1.419.862.477	1.215.362.871
Công ty cổ phần phát triển vườn xanh - cung cấp dịch vụ	1.705.685.104	1.906.790.918
Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt - mua hàng và dịch vụ	995.285.769	995.285.769
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Bầu Trời Xanh	231.618.518	145.638.180
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>262.673.622.602</b>	<b>278.865.515.154</b>
IPP Group (S) Pte.,Ltd	215.901.934.963	247.148.522.776
Các nhà cung cấp khác	46.771.687.639	31.716.992.378
<b>Cộng</b>	<b>284.030.733.549</b>	<b>300.494.466.399</b>

**16b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Không có số dư trả trước của các bên liên quan. Chủ yếu là của các khách hàng trả trước tiền hàng và dịch vụ.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)****18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Số phát sinh trong quý</b>		<b>Số cuối quý</b>	
	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã thực nộp</b>	<b>Phải nộp</b>	<b>Phải thu</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.608.355.793	-	123.376.741	(6.731.732.534)	-	-
Thuế xuất khẩu	-	-	27.420.418	(27.420.418)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	116.991.919	(116.991.919)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.429.593.395	-	10.564.372.014	(47.588.037.832)	7.405.927.577	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.447.694.432	6.223.178.545	(2.994.780.388)	-	219.296.275
Tiền thuế đất	-	-	9.255.527.424	-	9.255.527.424	-
Các loại thuế khác	-	-	730.772.660	(730.772.660)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>51.037.949.188</b>	<b>3.447.694.432</b>	<b>27.041.639.721</b>	<b>(58.189.735.751)</b>	<b>16.661.455.001</b>	<b>219.296.275</b>

**19. Phải trả người lao động**

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2015/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2015 với tỷ lệ 27,5% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện bằng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ giá vốn hàng mua - giá thành sản xuất (không bao gồm lương và chi phí khấu hao).

Số dư cuối quý là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí lãi vay phải trả	-	42.123.860
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.449.793.216	-
<b>Cộng</b>	<b>1.449.793.216</b>	<b>42.123.860</b>

**21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Tiền trả trước về cho thuê. Không có doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan.

**22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>19.427.538.321</b>	<b>53.308.050.874</b>
Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam	19.427.538.321	53.308.050.874
- Phải trả về cổ phần hóa	2.951.606.443	2.945.696.787
- Lợi nhuận và các quỹ phải nộp	16.475.931.878	50.362.354.087
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>3.080.083.682</b>	<b>8.552.897.627</b>
Kinh phí công đoàn	308.199.659	312.876.493
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	646.009.044	474.269.456
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.125.874.979	7.765.751.678
<b>Cộng</b>	<b>22.507.622.003</b>	<b>61.860.948.501</b>

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)****22b. Phải trả dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ dài hạn cho các tổ chức khác.

**22c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**23. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - TP. Hồ Chí Minh Chi nhánh 7	-	55.863.165.302
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2	33.156.295.230	53.088.804.318
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)	45.513.511.680	35.589.860.493
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	56.758.483.296	26.063.290.061
<b>Cộng</b>	<b>135.428.290.206</b>	<b>170.605.120.174</b>

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập từ lợi nhuận trong quý</u>	<u>Chi quỹ trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Quỹ khen thưởng	9.353.334.646	-	(1.984.125.000)	7.369.209.646
Quỹ phúc lợi	6.444.116.476	-	(5.875.278.484)	568.837.992
<b>Cộng</b>	<b>15.797.451.122</b>	<b>-</b>	<b>(35.439.050.889)</b>	<b>7.938.047.638</b>

**25. Vốn chủ sở hữu****25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	1.315.000.000.000	-	1.315.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	10.102.651.583	10.102.651.583
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.315.000.000.000</b>	<b>10.102.651.583</b>	<b>1.325.102.651.583</b>
Số dư đầu quý này	1.315.000.000.000	10.102.651.583	1.325.102.651.583
Lợi nhuận trong quý	-	44.319.152.922	44.319.152.922
Trích lập các quỹ trong quý	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong quý	-	-	-
<b>Số dư cuối quý này</b>	<b>1.315.000.000.000</b>	<b>54.421.804.505</b>	<b>1.369.421.804.505</b>

**25b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	131.500.000	131.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	131.500.000	131.500.000

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	131.500.000	131.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.500.000	131.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	131.500.000	131.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu tại cửa hàng miễn thuế	272.728.714.936	235.034.696.265
Doanh thu tại trung tâm thương mại	239.311.316.887	228.302.415.788
Doanh thu các hoạt động khác	1.215.533.151	1.109.859.274
<b>Cộng</b>	<b>513.255.564.974</b>	<b>464.446.971.327</b>

**27. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản hàng bán bị trả lại.

**28. Giá vốn hàng bán**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn tại cửa hàng miễn thuế	217.506.905.863	187.789.274.116
Giá vốn tại trung tâm thương mại	80.441.401.828	110.178.522.935
Giá vốn các hoạt động khác	44.326.438	182.481.591
<b>Cộng</b>	<b>297.992.634.129</b>	<b>298.150.278.642</b>

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.437.015.346	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	153.300.261	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.919.147.946	
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.358.310.587	
<b>Cộng</b>	<b>7.867.774.140</b>	<b>13.587.242.077</b>

**30. Chi phí tài chính**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	337.868.856	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	345.462.093	
Chi phí tài chính khác	359.621	
<b>Cộng</b>	<b>683.690.570</b>	<b>1.081.689.554</b>

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)****31. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	29.239.269.118	24.223.222.600
Chi phí vật liệu, bao bì	674.049.434	932.554.499
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.293.544.170	1.764.016.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.424.329.380	2.256.414.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.930.404.986	54.258.442.628
Các chi phí khác	16.142.004.548	13.773.135.861
<b>Cộng</b>	<b>124.703.601.636</b>	<b>97.207.786.194</b>

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	30.941.518.048	25.152.596.467
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	717.432.669	744.030.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.228.625.994	3.179.728.944
Thuế, phí và lệ phí	1.960.703.096	1.888.253.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.500.160.491	1.813.874.999
Các khoản chi phí khác	6.349.226.413	5.855.897.934
<b>Cộng</b>	<b>43.697.666.711</b>	<b>38.634.382.775</b>

**VI. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRONG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

- Giải thích về tính thời vụ hoặc chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ:**
  - Trong kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Văn phòng Công ty là bán lẻ, kinh doanh hàng miễn thuế và kinh doanh dịch vụ tại thị trường mục tiêu là sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất.
  - Trong kỳ tình hình sản xuất kinh doanh của Văn phòng công ty được duy trì ổn định và đã áp dụng nhiều chính sách bán hàng làm cho doanh thu và lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước.
- Trình bày tính chất và giá trị của các khoản mục ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, thu nhập thuần, hoặc các luồng tiền được coi là yếu tố không bình thường do tính chất, quy mô hoặc tác động của chúng:** Trong quý không có yếu tố không bình thường do tính chất, quy mô hoặc tác động của chúng.
- Tính chất và giá trị của những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong báo cáo giữa niên độ trước của niên độ kế toán hiện tại hoặc những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong các niên độ trước, nếu những thay đổi này có ảnh hưởng trọng yếu đến kỳ kế toán giữa niên độ hiện tại:** Trong quý không có những thay đổi có ảnh hưởng trọng yếu đến kỳ kế toán giữa niên độ.
- Trình bày việc phát hành, mua lại và hoàn trả các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn:** Trong quý không phát sinh.
- Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi (áp dụng cho công ty cổ phần):** Trong quý không phát sinh.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỘ PHẬN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính bộ phận Văn phòng Công ty chọn lọc (tiếp theo)**

6. Trình bày những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chưa được phản ánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đó: Trong quý không phát sinh

7. Các thông tin khác: không

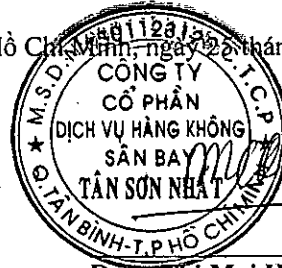
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2016



Hoàng Đôn Huân  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hùng Cường  
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương  
Tổng giám đốc